

UBND TỈNH KIÊN GIANG  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 715/SKHĐT-THQHKH

Kiên Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2019

V/v ban hành khung hướng dẫn  
lồng ghép nội dung phòng, chống  
thiên tai vào kế hoạch phát triển  
ngành, kinh tế - xã hội.

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân thành phố, huyện.

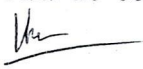
Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội,

Căn cứ Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 24/02/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình “Thoát nước và chống ngập úng tại các đô thị quy mô vừa vùng duyên hải Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu” giai đoạn 2,

Căn cứ Công văn số 3000/VP-KTCN ngày 27/5/2019 của Văn phòng UBND tỉnh truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch tỉnh Mai Anh Nhịn thống nhất đề xuất:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Trên cơ sở khung hướng dẫn, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp cùng các Sở, ngành liên quan rà soát, đề xuất các chỉ tiêu, mục tiêu và các giải pháp phù hợp để lồng ghép vào Kế hoạch phát triển của các ngành và kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2020 và 05 năm 2021-2025 theo đúng yêu cầu, định hướng phát triển phát triển của các ngành và kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

Nay Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn để các Sở, ban, ngành, UBND thành phố, huyện nghiên cứu để cùng triển khai thực hiện các nội dung tiếp theo (*Hướng dẫn kèm theo*)./. 

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Đoàn công tác của Tổ chức hợp tác phát triển Đức (GIZ);
- BGĐ Sở;
- Các phòng thuộc Sở KHĐT;
- Lưu VT, THQH.

**GIÁM ĐỐC**



Người ký: Sở Kế hoạch và Đầu tư  
Email: skhdt@kiengiang.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang  
Thời gian ký: 26.06.2019 16:00:56  
+07:00

**Ngô Hên**

UBND TỈNH KIÊN GIANG    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **HƯỚNG DẪN**

# **LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CẤP TỈNH**

*(Kèm theo Công văn số 715/SKHĐT-THQHKH ngày 26 tháng 6 năm 2019  
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)*

*Kiên giang, tháng 6 năm 2019*



# **NỘI DUNG HƯỚNG DẪN LỒNG GHÉP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CẤP TỈNH**

## **I. MỤC TIÊU VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ**

### **1.1 MỤC TIÊU**

Lồng ghép nội dung về phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội tỉnh năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 nhằm phát triển kinh tế - xã hội tỉnh theo hướng bền vững, giảm nhẹ rủi ro và các tác động của biến đổi khí hậu, góp phần đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên và tăng cường khả năng chống chịu của người dân.

Việc lồng ghép phòng chống thiên tai và thích ứng Biến đổi khí hậu giúp xây dựng cơ chế điều phối tốt hơn và có các biện pháp kịp thời và cụ thể để giảm thiểu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu lên tính mạng, sức khỏe và sinh kế người dân, trong đó đặc biệt là những thành phần dễ bị tổn thương như người nghèo, phụ nữ, trẻ em.

### **1.2 CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Luật Phòng, Chống Thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Luật khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015

Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Phòng chống và Giảm nhẹ Thiên tai đến năm 2020;

Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020

Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao Nhận thức Cộng đồng và Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng;

Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch thực hiện Luật Phòng, Chống Thiên tai;

Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.

Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

### **1.3. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**



*Thiên tai* là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác. (*Luật Phòng chống thiên tai, Điều 3*).

*Phòng, chống thiên tai* là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. (*Luật Phòng chống thiên tai, Điều 3*)

*Rủi ro thiên tai* là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội. (*Luật Phòng chống thiên tai, Điều 3*)

*Tình trạng dễ bị tổn thương* là những đặc điểm của một cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản khiến cho cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản đó dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động có hại từ hiểm họa tự nhiên. (*Luật Phòng chống thiên tai, Điều 3*). Tình trạng dễ bị tổn thương đề cập đến khuynh hướng của các yếu tố nhạy cảm với hiểm họa như con người, sinh kế và tài sản bị ảnh hưởng bất lợi khi bị tác động bởi các hiểm họa (báo cáo IPCC, 2012 trang 69). Tình trạng dễ bị tổn thương là kết quả của nguồn tài lực xã hội, điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, thể chế, tài nguyên thiên nhiên và điều kiện môi trường và các quy trình.

Đối tượng dễ bị tổn thương là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng chịu nhiều tác động bất lợi từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo (*điều 2 (Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT)*)

*Giảm nhẹ rủi ro thiên tai* vừa là một mục tiêu hoặc mục đích chính sách vừa là các biện pháp chiến lược và công cụ được sử dụng để dự đoán rủi ro thiên tai trong tương lai, giảm hiểm họa, giảm mức độ phơi bày trước hiểm họa, hoặc tình trạng dễ bị tổn thương, và nâng cao khả năng chống chịu.

*Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng* là một quá trình trong đó người dân trong cộng đồng chủ động và tham gia tích cực vào việc xác định và phân tích các rủi ro thiên tai, lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động nhằm mục đích giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với tác động của thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu. (*Theo tài liệu Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng dành cho cấp xã do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành*)

*Khả năng chống chịu* được định nghĩa là khả năng của một hệ thống và các hợp phần của nó có thể phán đoán, hấp thụ, điều chỉnh và vượt qua những



ảnh hưởng của một hiện tượng nguy hiểm một cách kịp thời và hiệu quả kể cả khả năng giữ gìn, hồi phục và tăng cường các cấu trúc và chức năng cơ bản quan trọng của hệ thống đó.

*“Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan”.* (Điều 3, Luật Khí tượng Thủy Văn)

*“Thích ứng biến đổi khí hậu là sự điều chỉnh các hệ tự nhiên và con người để phù hợp với môi trường mới hoặc môi trường bị thay đổi, nhằm mục đích giảm khả năng bị tổn thương do biến đổi khí hậu và tận dụng các tác động tích cực do biến đổi khí hậu mang lại.”* Điều 3 Thông tư 08/2016/TT-BTNMT quy định về đánh giá tác động biến đổi khí hậu:

*Tính chống chịu:* Khả năng của một hệ thống xã hội hay sinh thái hấp thụ các xáo động trong khi vẫn giữ nguyên cấu trúc cơ bản và phương thức vận động, khả năng tự tổ chức lại, và khả năng thích nghi với căng thẳng và thay đổi (trang web ECAP)

*Kịch bản khí hậu:* Một biểu diễn/ mô phỏng phù hợp và đơn giản hóa của khí hậu tương lai, dựa trên cơ sở một tập hợp nhất quán của các quan hệ khí hậu đã được xây dựng, sử dụng trong việc nghiên cứu hệ quả tiềm tàng của sự thay đổi khí hậu do con người gây ra, thường dùng như đầu vào cho các mô hình tác động. Các dự tính khí hậu thường được dùng như là nguyên liệu thô để xây dựng các kịch bản khí hậu, nhưng các kịch bản khí hậu thường yêu cầu các thông tin bổ sung ví dụ như các quan trắc khí hậu hiện tại.

*“Kịch bản biến đổi khí hậu là giả định có cơ sở khoa học và có tính tin cậy về xu hướng trong tương lai của khí hậu dựa trên mối quan hệ giữa các hoạt động kinh tế-xã hội, phát thải khí nhà kính, biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng.”*( Điều 3, Luật Khí tượng Thủy văn)

*Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng của các thế hệ tương lai. (tài liệu định hướng về Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, QĐ số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược PTBV VN*

*“Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội là một quá trình tích hợp có chọn lọc những đánh giá tác động thiên tai, giải pháp ưu tiên về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội”* (điều 2, Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT)

*Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội là công cụ quản lý kinh tế của nhà nước theo mục tiêu, được thể hiện bằng những mục tiêu định hướng phát triển kinh tế-xã hội phải đạt được trong khoảng thời gian nhất định của một quốc gia hoặc của một địa phương và những giải pháp, chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra một cách có hiệu quả và cao nhất. (Thông tư số*



## **II. NGUYÊN TẮC LỒNG GHÉP**

Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu (sau đây gọi tắt là PCTT-TUĐDKH) vào kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội tỉnh là một biện pháp thiết yếu nhằm đảm bảo tính hiệu quả của GNRRTT-TUĐDKH thông qua các giải pháp ngắn hạn và dài hạn, công trình và phi công trình. Các nguyên tắc khi tiến hành công tác lồng ghép là:

- Lồng ghép trên nguyên tắc phát triển bền vững, có tính hệ thống, tổng hợp, theo ngành/liên ngành, vùng/liên vùng; có trọng tâm, trọng điểm, có thứ tự ưu tiên.

- Đảm bảo rằng các tác động và xu hướng của thiên tai và biến đổi khí hậu được phân tích, đánh giá một cách phù hợp, từ đó các giải pháp ưu tiên về giảm nhẹ thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu được thể hiện một cách hợp lý trong *Mục tiêu, Giải pháp và các Chỉ tiêu* phát triển ngành, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh

- Kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội phải có nội dung PCTT-TUĐDKH phù hợp với đặc thù thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu của ngành, của tỉnh để bảo đảm phát triển bền vững.

- Khuyến khích sự chủ động của các cơ quan, đơn vị trong việc nghiên cứu, thu thập thông tin và phân tích các nội dung liên quan đến PCTT-TUĐDKH và lồng ghép vào kế hoạch ngành.

- Lồng ghép phải hài hòa cả hai giải pháp: giải pháp công trình và giải pháp phi công trình. Đối với các giải pháp công trình, phải đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, có tính đến khả năng chống chịu thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu một cách phù hợp.

- Huy động, phát huy hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

## **III. THỰC HIỆN LỒNG GHÉP PCTT-TUĐDKH VÀO LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, KINH TẾ-XÃ HỘI TỈNH**

### **1. Thu thập thông tin**

*Thông tin, số liệu cần thu thập* làm cơ sở đầu vào cho quá trình phân tích và xây dựng kế hoạch bao gồm:

- Các văn bản pháp lý, chương trình, kế hoạch của ngành, của tỉnh có liên quan đến phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu còn giá trị hiệu lực thi hành.

- Kế hoạch hoạt động gồm: Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của TỈNH, Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của NGÀNH. Các kế hoạch thực hiện các mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững có liên quan đến TUĐDKH và PCTT như chương trình Tăng trưởng xanh, Kế hoạch phát triển bền vững, Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về Phòng chống và



Giảm nhẹ thiên tai; Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết.. Kế hoạch triển khai đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ...

- Thông tin, số liệu đánh giá về tình hình thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch hành động liên quan đến giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu (tăng trưởng xanh, phát triển bền vững) của ít nhất 3 năm liền kề gần nhất hoặc giai đoạn trước

- Thông tin và số liệu về các tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu liên quan đến lĩnh vực và phạm vi quản lý của ngành

- Số liệu về tình hình ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiệt hại do thiên tai xảy ra trên phạm vi địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý của ngành của năm trước và giai đoạn trước

- Các kết quả nghiên cứu hoặc số liệu điều tra, khảo sát (nếu có) liên quan đến tác động của biến đổi khí hậu và thiệt hại của thiên tai.

- Các tài liệu cập nhật về xu thế thiên tai hoặc kịch bản về biến đổi khí hậu.

- Tổ chức khảo sát, thu thập số liệu liên quan (nếu cần thiết và có điều kiện) về tác động của biến đổi khí hậu, thiệt hại của thiên tai đối với các nhóm chịu ảnh hưởng và dễ bị tổn thương đối với những lĩnh vực và phạm vi quản lý của ngành

Công tác thu thập thông tin, số liệu liên quan cần được hoàn thành trước thời điểm lập kế hoạch (trước tháng 6 hàng năm).

## **2. Các phân tích nhằm nhận diện các vấn đề, nội dung và giải pháp ưu tiên đưa vào dự thảo kế hoạch phát triển ngành, KT-XH tỉnh**

**Các phân tích cần thực hiện gồm: (i) Nhận diện vấn đề, (ii) phân tích tình trạng tổn thương và nhóm dễ bị tổn thương; (iii) phân tích khả năng chống chịu và (iv) phân tích, nhận diện các nội dung và giải pháp ưu tiên đưa vào kế hoạch**

***a) Tổng hợp thông tin và nhận diện các vấn đề nổi bật và quan trọng nhất cần ưu tiên đưa vào Kế hoạch ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:***

- Đánh giá tình hình và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các loại hình thiên tai tai phổ biến nhất qua các năm gần đây.

Phương pháp và các bước đánh giá tình hình được thực hiện như sau:

***Bước 1- Liệt kê những hiện tượng thời tiết cực đoan, những ảnh hưởng về hoạt động sản xuất, sinh kế của người dân địa phương do tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai trong những năm gần đây.***

- Lĩnh vực và địa bàn chịu ảnh hưởng nhiều nhất và tình hình thiệt hại (về số lượng, phạm vi, mức độ thiệt hại hoặc chịu ảnh hưởng, bao gồm cả ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp.



- Tổng hợp mức thiệt hại về sinh mạng, số thương tật và mất mát về tài sản, cơ sở hạ tầng, các tổn thất về hệ sinh thái và các gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội do thiên tai hay các hiện tượng thời tiết bất thường gây ra trong thời gian thực hiện kế hoạch phát triển.

### ***Bước 2: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và nhóm đối tượng dễ bị tổn thương***

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương được thực hiện dựa trên cơ sở các kịch bản biến đổi khí hậu, xu hướng và thực trạng thiên tai những năm gần đây (**kết quả của bước 1**)

Các đánh giá về tính dễ bị tổn thương được thực hiện trên cơ sở xem xét, phân tích các kịch bản biến đổi khí hậu, thiên tai cũng như dự báo về các thiên tai có sự đối chiếu với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Liệt kê các NHÓM ĐỐI TƯỢNG bị ảnh hưởng và dễ bị tổn thương gần các hiện tượng biến đổi khí hậu và thiên tai được nêu tại bước 1. Ví dụ nhóm dân cư dân sinh sống trên các đảo, ven biển, vùng thấp, vùng thường bị ngập lụt, vùng hay bị lũ quét, sạt lở đất dọc theo các bờ sông, kênh rạch; nhóm nghề nghiệp dễ bị tổn thương do thiên tai như: nghề khai thác, đánh bắt thủy, hải sản trên sông, trên biển; nuôi trồng thủy, hải sản trên sông, rạch, đầm, bãi; nghề vận tải đường thủy, các địa điểm du lịch, các hộ không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên di chuyển kiếm việc làm.

Phân tích Nhóm đối tượng dễ bị tổn thương cần chú ý làm rõ sự khác biệt về tình trạng dễ bị tổn thương theo giới (giữa nam và nữ); theo mức sống hộ gia đình (hộ nghèo và hộ không nghèo), theo địa bàn (nông thôn/ thành thị). Cần đặc biệt quan tâm đến nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm: người nghèo, trẻ em, người già cô đơn, gia đình có phụ nữ làm chủ hộ, người khuyết tật

Phân tích và xác định nguyên nhân, bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan của tình trạng dễ bị tổn thương và các nhóm dễ bị tổn thương nhất.

### ***Bước 3: Đánh giá khả năng chống chịu đối với tình trạng và nhóm đối tượng dễ bị tổn thương***

- Liệt kê các biện pháp phòng ngừa đã được sử dụng, xem xét mức độ phù hợp và hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa và khắc phục (bao gồm các biện pháp công trình và phi công trình, các biện pháp liên quan đến năng lực quản lý điều hành, sự phối hợp của các bên, nhận thức của các bên liên quan..).

- Thống kê các nguồn tài nguyên (nhân lực, tài lực, tài nguyên tự nhiên, hệ thống tổ chức địa phương,...) đã được huy động cho việc thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

- Xem xét tính chính xác của các thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; tính kịp thời và khả năng tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo đến cơ sở và người dân, đặc biệt với đối tượng dễ bị tổn thương;

- Xem xét những kế hoạch, dự án liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu đã được đề xuất, phê duyệt nhưng chưa được triển khai hay đã triển khai



nhưng chưa đầy đủ. Xác định nguyên nhân của việc chậm trễ hoặc đình trệ trong thực hiện kế hoạch hoặc dự án.

- Xem xét các yếu tố tác động bên ngoài có thể ảnh hưởng đến việc triển khai việc các giải pháp phát triển kinh tế xã hội của ngành và địa phương.

- Sự phù hợp với các quy hoạch liên quan có tính đến yếu tố BĐKH phòng, chống thiên tai; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo khả năng chống chịu, an toàn về phòng, chống thiên tai của công trình.

***Bước 4: phân tích, nhận diện các vấn đề cấp bách và giải pháp ưu tiên để tích hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội***

Lựa chọn các vấn đề, nội dung gắn với các giải pháp ưu tiên tích hợp vào Kế hoạch phát triển. Lựa chọn ưu tiên được thực hiện theo một số tiêu chí cơ bản như:

- (i) Biện pháp PCTT-TUĐKH phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển ngành, KT- XH của tỉnh;

- (ii) Biện pháp PCTT-TUĐKH bảo đảm phát triển ngành, KT-XH tỉnh, giảm thiểu hoặc không làm gia tăng ảnh hưởng của BĐKH và nguy cơ thiên tai;

- (iii) Biện pháp phù hợp và có tính khả thi về nguồn lực thực hiện.

- (iv) Các biện pháp cụ thể liên quan đến các nhóm yếu thế. Đề xuất các nội dung, biện pháp PCTT-TUĐKH cần lồng ghép vào kế hoạch phát triển ngành, KT- XH tỉnh.

***Thảo luận hoặc lấy ý kiến các Sở, ngành, đơn vị liên quan nhằm thống nhất các nội dung về PCTT-TUĐKH cần lồng ghép vào kế hoạch phát triển ngành, KT-XH tỉnh.***

***3) Xây dựng kế hoạch phát triển ngành; Kế hoạch phát triển KT-XH tỉnh có lồng ghép nội dung PCTT-TUĐKH***

- Tích hợp các nội dung, lĩnh vực ưu tiên được nhận diện ở mục 2 vào kế hoạch ngành và kế hoạch PTKT-XH

Xây dựng các mục tiêu và giải pháp liên quan đến TUĐKH và PCTT phù hợp theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ngành; các kế hoạch hành động, chương trình, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thống nhất nội dung dự thảo các kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển KT-XH tỉnh có lồng ghép các nội dung PCTT-TUĐKH thể hiện bằng các mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp ưu tiên về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu trong kế hoạch

- Lập danh mục các chỉ tiêu phát triển ngành, chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh liên quan đến PCTT-TUĐKH. Khi xây dựng danh mục chỉ tiêu liên quan cần cân nhắc về tính hợp lý của số liệu/dữ liệu của năm gốc (năm đầu thực hiện), nguồn số liệu. Khuyến khích, đề nghị cơ quan Thống kê thu thập các dữ liệu liên quan đến chỉ tiêu.



### **3. Phê duyệt kế hoạch phát triển ngành, Kế hoạch phát triển KT-XH tỉnh có lồng ghép nội dung PCT-TU'ĐDKH**

Tổng hợp và điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển KT-XH tỉnh theo ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan. Trình cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch.

### **4. Phổ biến kế hoạch phát triển ngành, Kế hoạch phát triển KT-XH tỉnh có lồng ghép nội dung PCTT-TU'ĐDKH**

Thông tin rộng rãi về kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển KT-XH tỉnh có lồng ghép nội dung PCTT-TU'ĐDKH đã phê duyệt để huy động sự tham gia, giám sát, đánh giá của các Sở, Ban ngành, đoàn thể, người dân, và doanh nghiệp.

Xây dựng kế hoạch giám sát - đánh giá kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển KT-XH tỉnh có lồng ghép nội dung PCTT-TU'ĐDKH.

Theo dõi việc triển khai thực hiện và đánh giá hiệu quả, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành, KT-XH tỉnh định kỳ, hàng năm.

## **V. GỢI Ý MỘT SỐ NỘI DUNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VỀ LỒNG GHÉP PCTT-TU'ĐDKH: MỤC TIÊU, CÁC CHỈ TIÊU, CHỈ SỐ VÀ GIẢI PHÁP VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, KT-XH TỈNH**

### **1. Kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực**

#### **1.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

##### **a) Mục tiêu:**

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, tăng trưởng hợp lý, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở tái cơ cấu ngành, sản phẩm gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao hàm lượng chất xám và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp cùng với việc nâng cao giá trị canh tác và thu nhập của nông dân.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với thích ứng biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới; nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

##### **b) Gợi ý các chỉ tiêu, chỉ số**

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                   | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
| 1   | Tỷ lệ che phủ rừng                                                                                                                 | X                  |                         |                              |
|     | Tỷ lệ hệ thống sông ngòi, kênh rạch trong vùng chịu ảnh hưởng của lũ vừa có chức năng cấp nước, tiêu úng vừa có chức năng thoát lũ | X                  |                         |                              |



| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                                                       | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|     | Tổ chức các lớp diễn tập cứu hộ, cứu nạn về phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu                                                                                                            | X                  |                         |                              |
|     | Mức độ ứng dụng công nghệ, bản đồ số, hệ thống thông tin địa lý, ... vào phòng chống rủi ro thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu                                                                      | X                  |                         |                              |
|     | Tỷ lệ phường/xã có cán bộ phụ trách công tác quản lý thiên tai được tham gia chương trình đào tạo nâng cao năng lực về PCTT-TU'ĐKKH.                                                                   | X                  |                         |                              |
|     | Mức độ phát triển hệ thống dự báo, cảnh báo, quan trắc môi trường, khí tượng thủy văn ...                                                                                                              | X                  |                         |                              |
|     | Diện tích rừng ngập mặn ven biển, rừng chắn sóng ven sông, ven biển được trồng mới (hoặc khôi phục) nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tạo sinh kế ổn định cho người dân                           |                    |                         |                              |
|     | Số vùng sản xuất được đầu tư thủy lợi công nghệ cao để chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu                                                                            |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trong và sau thiên tai                                                                                                                  |                    |                         |                              |
|     | % ao hồ, sông ngòi, kênh mương trong vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai được nạo vét                                                                                                                    |                    |                         |                              |
|     | % các điểm sạt lở được sửa chữa trước mùa mưa lũ                                                                                                                                                       |                    |                         |                              |
|     | % có biển báo, cảnh báo nguy cơ đuối nước cho trẻ em tại các ao hồ, đập, sông ngòi, kênh rạch                                                                                                          |                    |                         |                              |
|     | % có biển báo ở các khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai                                                                                                                                                |                    |                         |                              |
| 9.  | % hệ thống sông ngòi, kênh rạch trong vùng chịu ảnh hưởng của lũ vừa có chức năng cấp nước, tiêu úng vừa có chức năng thoát lũ                                                                         |                    |                         |                              |
| 10  | Mức độ hoàn thành các dự án xây dựng, nâng cấp công trình đê, kè sông, biển xung yếu ở khu vực có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến sản xuất và đời sống của người dân ở những khu vực ven sông, ven biển |                    |                         |                              |
| 11  | Mức độ hoàn thành dự án trồng rừng ngập mặn ven biển, phòng hộ đầu nguồn thuộc danh mục một số dự án ưu tiên cấp bách nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu                                              |                    |                         |                              |
| 12  | Số lượng mô hình/ (hoặc diện tích) sản xuất nông nghiệp áp dụng các biện pháp (hoặc công nghệ/hoặc chuyển đổi phương thức canh tác/nuôi trồng) thích ứng BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai             |                    |                         |                              |



| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                                                           | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
| 13  | Có Kế hoạch thủy lợi phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh dựa trên Quy hoạch thủy lợi phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vùng đồng bằng sông Cửu Long |                    |                         |                              |
| 14  | Khác ....                                                                                                                                                                                                  |                    |                         |                              |
|     | Khác ....                                                                                                                                                                                                  |                    |                         |                              |

***c) Một số giải pháp thực hiện:***

- Rà soát định hướng phát triển ngành phù hợp tình hình và phát huy lợi thế của tỉnh, gắn kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm chất lượng, có tính khả thi cao. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế của tỉnh và phù hợp với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây ăn quả và rau màu có giá trị kinh tế cao, có ưu thế cạnh tranh trên thị trường để giảm thiểu lượng nước tưới, phù hợp với điều kiện khô hạn của tỉnh. Xây dựng lịch thời vụ hàng năm phù hợp với các dự báo, cảnh báo để giảm nhẹ các tác động của thiên tai như lũ, bão, hạn hán, xâm nhập mặn, và sâu rầy dịch bệnh.

- Rà soát, nghiên cứu điều chỉnh cơ chế chính sách hỗ trợ người trồng rừng, nhóm hộ gia đình, nhóm cộng đồng trồng rừng cũng như chính sách bảo vệ rừng phòng hộ đặc dụng. Ưu tiên giải quyết dứt điểm tình trạng phá rừng.

- Phát triển đồng bộ cả khai thác, nuôi trồng, chế biến và phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, lấy chế biến làm động lực.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển nông nghiệp, nông thôn và phòng tránh thiên tai: Rà soát quy hoạch phát triển Thủy lợi, cụ thể: Rà soát, đánh giá chất lượng công trình thủy lợi; rà soát điều chỉnh, bổ sung và lập, phê duyệt phương án sơ tán dân vùng hạ lưu các hồ chứa khi có sự cố xảy ra theo quy định; Xây dựng cơ chế chính sách về hiện đại hóa hệ thống thủy lợi: Xây dựng hồ chứa tích nước mùa lũ và đảm bảo nước tưới cho mùa khô; kiên cố hóa kênh mương.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi đa mục tiêu, vừa phục vụ sản xuất vừa kết hợp PCTT-TU&ĐKH; xây dựng các mô hình “hệ thống thủy - lâm kết hợp” nhằm mục tiêu gắn thủy lợi với trồng rừng, phòng tránh thiên tai, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên tiếp tục triển khai các chương trình, đề án đầu tư về PCTT của Chính phủ nhằm hạn chế tác động xấu của biến đổi khí hậu, nhất là các xã vùng ven biển, vùng cửa sông; huy động các chương trình hỗ trợ của Chính phủ và huy động các nguồn tài trợ ODA để đầu tư các công trình phòng chống thiên tai.

- Rà soát các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm và lồng ghép nội dung PCTT-TU&ĐKH vào các hoạt động này.



- Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài.

## 1.2 Sở Giáo dục và Đào tạo :

### a) Mục tiêu:

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và các thành phần xã hội về các vấn đề biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.

- Đưa kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu vào trong các chương trình, bậc giáo dục, đào tạo; phát triển và có chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao các chuyên ngành liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính và phòng, chống thiên tai

- Công bằng xã hội trong giáo dục, đặc biệt ở các vùng kinh tế khó khăn và các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai lũ lụt và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Đảm bảo trẻ em trong độ tuổi ở các vùng khó khăn, chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu đều được đi học (đặc biệt mẫu giáo, tiểu học).

### b) Các chỉ tiêu, chỉ số

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|     | Số các cơ sở giáo dục được kiên cố hóa, lâu hóa đạt chuẩn quốc gia và có khả năng chống chịu và giảm nhẹ các tác động của thiên tai                                                                                                                                                                                                                    |                    |                         |                              |
|     | Có kế hoạch và báo cáo thực hiện PCTT-TUỶỆKH hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                    |                         |                              |
|     | % các cơ sở giáo dục đưa nội dung PCTT-TUỶỆKH vào chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường như “Ứng phó với Biến đổi khí hậu”, “Kỹ năng sống”, “Phòng chống tai nạn thương tích”, “Chuẩn tối thiểu về giáo dục trong hoàn cảnh khẩn cấp”. Đảm bảo các nội dung trên được lồng ghép phù hợp, tránh chồng chéo, quá tải cho học sinh | X                  |                         |                              |
|     | % các cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan quản lý thuộc ngành Giáo dục và các cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được nâng cao nhận thức về PCTT-TUỶỆKH                                                                                                                                                                                                |                    |                         |                              |
|     | Có quy trình chuẩn cho công tác phòng chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn thiên tai tại các cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                         |                              |
|     | Lựa chọn, sơ đồ hóa/hình tượng hóa các bước trong quy trình phòng chống thiên tai và đặt tại các cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                        |                    |                         |                              |
|     | Có cơ chế phối hợp của các cơ quan liên quan trong tổ chức tập huấn PCTT-TUỶỆKH                                                                                                                                                                                                                                                                        | X                  |                         |                              |



| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                    | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|     | Tỷ lệ cơ sở giáo dục trong tỉnh, đặc biệt các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai tổ chức diễn tập công tác phòng chống thiên tai cho ngành giáo dục | X                  |                         |                              |
|     | ...                                                                                                                                                 |                    |                         |                              |

### ***c) Giải pháp***

- Tham mưu xây dựng chính sách thu hút giáo viên giỏi về công tác tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chuẩn bị và ứng phó với thiên tai cho ngành giáo dục để đảm bảo việc học tập của học sinh không bị gián đoạn khi thiên tai xảy ra và giảm thiểu các thiệt hại của thiên tai đối với các cơ sở giáo dục.

- Điều chỉnh các chính sách đã lỗi thời không còn phù hợp, đặc biệt với ngành mầm non. Xây dựng chính sách đối với giáo viên (lương, phụ cấp) ở vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc, đặc biệt là giáo viên mầm non, tiểu học.

- Tham mưu cho tỉnh xây dựng Quỹ phòng chống thiên tai để có thể triển khai phù hợp với các nội dung PCTT-TUBĐKH cho ngành giáo dục.

- Ưu tiên triển khai và hoàn thành Đề án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn II, đảm bảo như cầu học tập cho con em các dân tộc trong tỉnh. Ưu tiên các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai. Các điểm trường được kiên cố hóa được sử dụng là nơi sơ tán dân trong các đợt thiên tai xảy ra như bão, lũ.

- Tập trung nâng cao chất lượng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trước 6 tuổi; mở rộng hệ thống nhà trẻ là trường lớp mẫu giáo, ưu tiên phát triển mầm non vùng nông thôn, các khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, vùng dân tộc, vùng sâu vùng xa.

## ***1.3 Sở Y tế***

### ***a) Mục tiêu:***

- Cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở hạ tầng, hiện đại hoá trang thiết bị, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ngành y tế từ trung ương tới địa phương và tăng cường công tác phòng chống các dịch bệnh và các bệnh mới nổi để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản.



- Xây dựng và triển khai hệ thống chính sách chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, đảm bảo quyền lợi các nhóm xã hội dễ bị tổn thương: Phụ nữ, trẻ em, người già, người nghèo, dân tộc thiểu số...

**b) Các chỉ tiêu, chỉ số**

| STT         | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                                                      | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|             | Kế hoạch và báo cáo thực hiện PCTT-TU'ĐKH hàng năm                                                                                                                                                    | X                  |                         |                              |
|             | % trạm y tế xã, phường tại các địa bàn dễ bị ảnh hưởng do tác động của BĐKH có đủ năng lực và cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng một cách có hiệu quả với các tình huống thiên tai và thời tiết cực đoan. | X                  |                         |                              |
|             | Có Ít nhất .. % cơ sở y tế xây mới hoặc cải tạo có áp dụng các giải pháp nhằm ứng phó với các tác động của BĐKH.                                                                                      |                    |                         |                              |
|             | Tỷ lệ bố trí kinh phí từ nguồn UBND tỉnh và các chương trình mục tiêu/dự án về Y tế cho hoạt động PCTT-TU'ĐKH;                                                                                        |                    |                         |                              |
|             | Tỷ lệ cán bộ cán bộ y tế địa phương (ở các địa bàn trọng điểm) được truyền thông và tập huấn về ứng phó với BĐKH của ngành y tế và về cung cấp dịch vụ y tế trong tình huống thiên tai                | X                  |                         |                              |
|             | % cơ sở y tế tại các tỉnh (huyện) trọng điểm có cơ sở vật chất đạt được tiêu chí cần thiết về chống chịu BĐKH và bền vững trong thiên tai                                                             |                    |                         |                              |
|             | Tỷ lệ cơ sở y tế có cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong mùa lũ                                                                                    |                    |                         |                              |
|             | % số cơ sở y tế (tỉnh đến huyện) có kế hoạch thích ứng BĐKH và quản lý thiên tai đến năm 2025                                                                                                         |                    |                         |                              |
|             | % các cơ sở khám chữa bệnh (cấp tỉnh, huyện, xã) kiên cố hóa, có khả năng chống chịu và giảm nhẹ các tác động của thiên tai để vận hành và cung cấp dịch vụ cho người dân trong thiên tai;            |                    |                         |                              |
| <b>Khác</b> |                                                                                                                                                                                                       |                    |                         |                              |
|             | % cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em từ dưới 5 tuổi trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai được tư vấn về dinh dưỡng và vệ sinh                                                                     |                    |                         |                              |
|             | Có ? mô hình quản lý giám sát các dịch bệnh liên quan đến sự thay đổi của các yếu tố thời tiết và khí hậu được nghiên                                                                                 |                    |                         |                              |

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                            | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|     | cứu và ứng dụng                                                                             |                    |                         |                              |
|     | Có ? mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với BĐKH cho cộng đồng và cơ sở y tế |                    |                         |                              |
|     | Khác...                                                                                     |                    |                         |                              |

### ***b) Giải pháp***

- Ưu tiên triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020 và Chiến lược Quốc gia về Dân số giai đoạn 2011-2020, tập trung nâng cao chất lượng và sức khỏe sinh sản, pháp luật về dân số, kế hoạch hóa gia đình chú trọng đến các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Phát huy vai trò tham mưu của Sở Y tế cho UBND tỉnh trong chăm sóc sức khỏe nhân dân trong phòng chống thiên tai.

- Nâng cao năng lực chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của ngành Y tế thông qua việc xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch dự phòng – chuẩn bị và ứng phó với thiên tai, đảm bảo việc cung cấp một cách kịp thời, hiệu quả dịch vụ y tế trước, trong và sau thiên tai nhằm giảm tỷ lệ tử vong, bệnh tật và thương tích do các nguyên nhân liên quan đến thiên tai.

- Phối hợp tổ chức thực hiện các đề án về chính sách dân số, gia đình và trẻ em giai đoạn 2016-2020.

- Tập huấn nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác tìm kiếm, cứu nạn và truyền thông giáo dục cho cộng đồng. Cụ thể, tăng cường công tác truyền thông – giáo dục sức khỏe cho người dân để biết cách phòng tránh thương vong trong các đợt thiên tai.

- Tập huấn chuyên môn về phòng, chống dịch bệnh, xử lý nước, vệ sinh môi trường, trước, trong và sau các đợt thiên tai; về phòng cháy chữa cháy, về công tác sơ cứu, cấp cứu vận chuyển bệnh nhân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và khống chế không để xảy ra các dịch bệnh lớn sau các đợt thiên tai.

- Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi bị ảnh hưởng trong các đợt thiên tai trong các hoạt động phục hồi chức năng.

### ***1.4 Sở Lao động – Thương binh – Xã hội***

#### ***a) Mục tiêu:***



- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Chú trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động có tính đến yếu tố ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Mở rộng các hình thức an sinh xã hội, có giải pháp đảm bảo xã hội ưu tiên nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương và ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu.

**b) Các chỉ tiêu, chỉ số**

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                    | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|     | Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được can thiệp, trợ giúp, hòa nhập cộng đồng                                                     | X                  |                         |                              |
|     | % hộ gia đình nghèo trong vùng xảy ra thiên tai được dạy nghề, tư vấn việc làm và hỗ trợ/vay vốn khi có nhu cầu để phục hồi sinh kế |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ đối tượng gặp thiên tai, tai nạn rủi ro đột xuất được đảm bảo cứu trợ kịp thời                                                |                    |                         |                              |
|     | % cán bộ bảo vệ trẻ em các cấp, cộng tác viên, tình nguyện viên được tập huấn nâng cao năng lực BVTE và PCTT-TUĐDKH                 |                    |                         |                              |
|     | % xã phường, thị trấn được công nhận xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (QĐ 34/TTg)                                             | X                  |                         |                              |
|     | Số lượng người được đào tạo nghề, chuyển đổi nghề có tính đến các yếu tố ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu                |                    |                         |                              |
|     | Khác ...                                                                                                                            |                    |                         |                              |

**c) Giải pháp**

- Kiểm soát và giảm thiểu tình hình tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt là tai nạn đuối nước nhằm đảm bảo môi trường an toàn cho trẻ em

- Đẩy mạnh hỗ trợ chuyển đổi nghề, sinh kế cho nhóm dân cư chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Chú trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động để ứng phó với biến đổi khí hậu và những năm tiếp theo.

**1.5 Sở Tài nguyên và Môi trường**

**a) Mục tiêu:**

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn bảo đảm cảnh báo, dự báo sớm các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan; tăng

cường các hệ thống đo đạc từ xa, bảo đảm theo dõi liên tục các biến động về thời tiết, khí hậu, tài nguyên nước, đáp ứng đầy đủ dữ liệu cho dự báo khí tượng thủy văn theo phương pháp tiên tiến và các nhu cầu khác.

- Mở rộng và tăng cường hệ thống quan trắc và giám sát khí tượng thủy văn với sự tham gia rộng rãi của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà nước trên cơ sở thống nhất quản lý về chuyên môn và thông tin số liệu của ngành khí tượng thủy văn.

- Rà soát, xây dựng các quy hoạch phát triển, quy chuẩn xây dựng trong vùng thường xuyên bị thiên tai phù hợp với điều kiện gia tăng thiên tai do biến đổi khí hậu; củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách.

- Nâng cao chất lượng rừng, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo đảm khai thác hiệu quả các loại rừng để duy trì và nâng cao khả năng phòng chống thiên tai, chống sa mạc hóa, xâm thực, suy thoái đất; tăng cường bảo vệ, quản lý và phát triển rừng ngập mặn, các hệ sinh thái đất ngập nước;

**b) Các chỉ tiêu, chỉ số**

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                            | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|     | Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên                                                                                 |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ tái sử dụng, tái chế chất thải rắn                                                                                    |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở hoặc thường xuyên xảy ra sạt lở có biển báo cảnh báo bảo đảm an toàn                 |                    |                         |                              |
|     | Có kế hoạch và báo cáo thực hiện PCTT-TU'ĐDKH hàng năm                                                                      |                    |                         |                              |
|     | Phối hợp với ngành GD-ĐT và các ban ngành liên quan tổ chức chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho trẻ em |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ địa phương được tổ chức chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ trẻ em, người già khi có thiên tai xảy ra           |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ hộ dân trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai được trang bị kiến thức thích ứng và phòng chống thiên tai            |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ Khu bãi rác, nhà máy xử lý rác bị ảnh hưởng và có khả năng phát tán khi thiên tai xảy ra                              |                    |                         |                              |
|     | Khác ...                                                                                                                    |                    |                         |                              |

**c) Giải pháp**

- Rà soát các văn bản chính sách về quản lý bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường;



- Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường, triển khai chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu;

- Tăng cường giám sát việc thực hiện đánh giá môi trường và cam kết bảo vệ môi trường của các chương trình dự án lớn, nhất là các dự án khai thác khoáng sản. Có cơ chế, chính sách cụ thể để khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường;

- Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài, đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực quản lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường;

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp khu công nghiệp...;

- Rà soát cơ chế chính sách phù hợp với PCTT-TUỖĐKH đối với tài nguyên nước và vệ sinh môi trường, như chính sách cho vay vốn các hộ nghèo để xây dựng nhà vệ sinh hợp chuẩn, đầu tư các công trình nước sạch.... ;

- Ưu tiên thực hiện công tác PCTT-TUỖĐKH, đưa nhiệm vụ chống biến đổi khí hậu vào các chương trình phát triển kinh tế của tỉnh, nhất là đầu tư cơ sở hạ tầng, quy hoạch bố trí dân cư vùng ven biển;

### **1.6 Sở Giao thông Vận tải**

#### **a) Mục tiêu**

- Quy hoạch hệ thống giao thông vận tải, nâng cao chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế; phát triển giao thông vận tải công cộng ở các đô thị, kiểm soát sự gia tăng phương tiện vận tải cá nhân.

- Sử dụng nhiên liệu ít phát thải khí nhà kính cho phương tiện giao thông vận tải; đẩy mạnh chuyển sang sử dụng các phương tiện giao thông công cộng.

- Xây dựng và áp dụng các cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông tiết kiệm năng lượng, loại dần các phương tiện tiêu tốn nhiên liệu.

#### **b) Các chỉ tiêu, chỉ số**

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                               | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|     | Có kế hoạch và báo cáo thực hiện PCTT-TUỖĐKH hàng năm                                                          | X                  |                         |                              |
|     | Có kế hoạch đảm bảo giao thông trước mùa mưa bão;                                                              | X                  |                         |                              |
|     | Tỷ lệ đường bộ và đường thủy trong khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có biển báo, cảnh báo đảm bảo an toàn | X                  |                         |                              |

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                 | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|     | Tỷ lệ tàu thuyền có trang bị thiết bị an toàn như phao cứu sinh, xuồng cứu hộ, đèn chiếu sáng . v.v.             | X                  |                         |                              |
|     | Các đơn vị cung cấp dịch vụ sẵn sàng tham gia cung cấp dịch vụ phục vụ các hoạt động PCTT-TU'BDKH cho ngành GTVT |                    |                         |                              |
|     | Có biển báo, cảnh báo bảo đảm an toàn đường sông, đường bộ vào mùa mưa lũ                                        |                    |                         |                              |
|     | Các tàu thuyền có trang bị trang thiết bị an toàn như phao cứu sinh, xuồng cứu hộ, đèn chiếu sáng, v.v.          |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ đường giao thông nông thôn được cứng hóa                                                                   | X                  |                         |                              |
|     | Đường huyện được cứng hóa                                                                                        |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ đường huyện được cứng hóa                                                                                  |                    |                         |                              |
|     | Đường xã được cứng hóa                                                                                           |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ đường huyện được cứng hóa                                                                                  |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ người dân đô thị có sử dụng phương tiện công cộng (xe bus)                                                 | X                  |                         |                              |
|     | Khác                                                                                                             |                    |                         |                              |

### c) Giải pháp

- Các công trình giao thông qua vùng thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai phải có phương án thiết kế, cải tạo, nâng cấp đảm bảo không ảnh hưởng đến các khu dân cư, đặc biệt tuyến đường giao thông qua vùng ngập lũ phải bố trí thoát lũ phù hợp; quản lý chặt chẽ hoạt động của các phương tiện vận tải, nhất là các phương tiện vận tải khách, đảm bảo an toàn giao thông trước, trong khi thiên tai xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra các khu vực đường xung yếu, các cầu yếu để đảm bảo giao thông thông suốt khi có sự cố do thiên tai; Chuẩn bị vật tư dự phòng, chủ động bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng khi có sự cố, đảm bảo giao thông trong thời gian nhanh nhất. Xây dựng kế hoạch phân luồng, đảm bảo giao thông trong mùa mưa bão

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến các đối tượng hoạt động trong mùa lũ.

- Nâng cấp và mở rộng mạng lưới hệ thống giao thông công cộng ngày càng đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, đặc biệt là vùng đô thị; khuyến



khích, thu hút người dân sử dụng phương tiện công cộng, giảm sử dụng phương tiện cá nhân nhằm góp phần giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính.

### **1.7 Sở Xây dựng**

#### **a) Mục tiêu**

- Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thiết bị sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất vật liệu và các công trình xây dựng.

- xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật cho các công trình xây dựng, có tính đến các yếu tố khả năng chống chịu của công trình trước tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu.

#### **b) Các chỉ tiêu, chỉ số**

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
| 1   | Có kế hoạch và báo cáo thực hiện PCTT-TU'ĐKH hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                    |                         |                              |
| 2   | Có quy hoạch xây dựng ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                         |                              |
| 3   | Có các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm kỹ thuật, quy chuẩn xây dựng phục vụ cho công tác thiết kế, thi công xây dựng có tính đến tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu lên công trình trong quá trình xây dựng và sử dụng (như bão lũ, sạt lở đất, động đất...), các quy định về cao trình thiết kế vượt lũ, tần suất thiết kế để đảm bảo an toàn cho công trình khi có thiên tai (như bão lũ, sạt lở đất, động đất...) |                    |                         |                              |
| 4   | Có chính sách cập nhật về PCTT- TU'ĐKH trong xây dựng đô thị và nông thôn; rà soát quy hoạch của ngành;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                    |                         |                              |
| 5   | Có quy chuẩn xây dựng các mẫu nhà phù hợp với vùng bão, lũ, có tính đến kịch bản BĐKH và nước biển dâng của tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                         |                              |
| 6   | Có chương trình đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch về PCTT-TU'ĐKH; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài, ưu tiên các lĩnh vực xây dựng dân sự ở khu vực nông thôn và khu vực đô thị, đặc biệt là trong các vùng thường xuyên có thiên tai xảy ra;                                                                                                                                        |                    |                         |                              |
| 7   | Ít nhất 2 lần/năm thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn an toàn đã được quy định trong các văn bản của Bộ Xây dựng;                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                    |                         |                              |
| 8   | Tỷ lệ trường học, nhà trẻ, bệnh viện trong khu vực đô thị được cấp nước trong và sau thiên tai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                    |                         |                              |

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                      | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
| 9   | Số hộ dân trong vùng thường xuyên xảy ra mưa, dông, lũ được tuyên truyền, thông tin về mẫu nhà phù hợp với vùng mưa, dông, lũ                                         |                    |                         |                              |
| 11  | Tỷ lệ diện tích cây xanh/công viên/hồ trữ nước trên tổng diện tích các khu đô thị                                                                                     |                    |                         |                              |
| 12  | Số hộ dân sống trong vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở được di dời (hoặc có phương án ) đảm bảo an toàn                                                               |                    |                         |                              |
|     | Kế hoạch đánh giá, bố trí, sắp xếp các khu dân cư ven sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh dựa trên Đề án bố trí lại dân cư ven sông, kênh rạch đồng bằng sông Cửu Long |                    |                         |                              |
|     | Số hộ dân sống trong vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở                                                                                                                | X                  |                         |                              |
|     | Khác ....                                                                                                                                                             |                    |                         |                              |

#### ***b) Giải pháp***

- Tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng chống thiên tai ở địa phương theo các tài liệu hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Có kế hoạch hỗ trợ đảm bảo an toàn cho người dân khi có bão lũ xảy ra.

- Lồng ghép từ khâu lập quy hoạch: như chọn đất xây dựng, vị trí xây dựng, giải pháp kiến trúc, cao trình thiết kế...việc áp dụng các quy phạm kỹ thuật, tiêu chuẩn quy chuẩn xây dựng đảm bảo an toàn trong điều kiện thiên tai và biến đổi khí hậu của khu vực.

- Rà soát các quy hoạch thoát nước và kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của các đô thị nhằm đảm bảo việc phân vùng, thoát lũ, đảm bảo chống ngập úng đô thị. Kiểm tra kế hoạch duy tu, bảo trì và nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ khi có mưa, bão và có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

- Lập phương án đảm bảo an toàn cho các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và có giải pháp bảo vệ, phòng ngừa khắc phục sự cố khi xảy ra thiên tai.

- Kiểm tra công tác quản lý đảm bảo lưu thông dòng chảy tại các khu vực miền núi. Đặc biệt là việc triển khai và kiểm soát thoát nước tại các lưu vực sông.

- Rà soát và kiểm tra các phương án, biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị như hào kỹ thuật, tuynel, trạm biến áp, cột điện...khi xảy ra mưa bão.

- Quy hoạch, xây dựng mạng lưới công trình công cộng kiên cố có khả năng ứng phó khi xảy ra thiên tai, làm nơi trú ẩn an toàn.



- Thực hiện chương trình nhà ở cho người thu nhập thấp, di dời nhà ở gần sông kênh rạch, nhà ở vùng sạt lở/có nguy cơ sạt lở trước mùa mưa lũ.

- Đầu tư xây dựng các công trình công cộng như bệnh viện, trường học, trụ sở làm việc, cơ quan nhà nước...đảm bảo là nơi sơ tán cho nhân dân khi xảy ra thiên tai bão lũ xảy ra.

### **1.8 Sở Công thương**

#### **a) Mục tiêu**

- Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ mới ít phát thải khí nhà kính trong sản xuất công nghiệp; đẩy mạnh thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng các nhiên liệu phát thải các-bon thấp; ứng dụng sâu rộng sản xuất sạch hơn và tăng cường tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu.

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao trong các ngành công nghiệp trọng điểm.

#### **b) Các chỉ tiêu, chỉ số**

| STT | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                                                                          | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|     | 100% các điểm được xác định là khu vực xung yếu của hệ thống điện (trạm biến thế, đường dây truyền tải và lưới cung cấp) được rà soát, kiểm tra, gia cố nếu cần thiết để kịp thời khắc phục các sự cố do thiên tai gây ra |                    |                         |                              |
|     | Tất cả các khu vực xung yếu về khai thác khoáng sản được rà soát, kiểm tra, gia cố để đảm bảo hạn chế tối đa các sự cố do thiên tai gây ra                                                                                |                    |                         |                              |
|     | Kế hoạch chuẩn bị cung cấp các mặt hàng thiết yếu trong và ngay sau thiên tai cho các vùng bị ảnh hưởng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai được lập chi tiết và chuẩn bị                      |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ điện năng được sản xuất từ các loại năng lượng sạch, tái tạo/tổng số điện năng sử dụng trên địa bàn tỉnh                                                                                                            |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn                                                                                                                                                               |                    |                         |                              |
|     | Tỷ lệ các điểm vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện hoặc có khả năng gây mất an toàn công trình điện được kiểm tra, xử lý, khắc phục.                                                                         | X                  |                         |                              |
|     | Số giờ mất điện bình quân/năm                                                                                                                                                                                             | X                  |                         |                              |
|     | Tỷ lệ tiết kiệm điện                                                                                                                                                                                                      | X                  |                         |                              |
|     | Khác ...                                                                                                                                                                                                                  |                    |                         |                              |

#### **b) Giải pháp**

- Đề xuất các giải pháp quan trọng nhất góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng và công nghiệp sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo. Cụ thể như:

+ Khuyến khích phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhà đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo như năng lượng sinh khối, năng lượng mặt trời,...

+ Khuyến khích người dân sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm; chú trọng sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng.

- Các giải pháp khác về bảo vệ môi trường cũng cần thiết nhằm bảo vệ sức khỏe người dân, hạn chế tác động kép khi có thiên tai, biến đổi khí hậu xảy ra (VD như ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe, lây lan dịch bệnh, giảm nguồn lợi thủy sản,...). Cụ thể chất thải, nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp cần được xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

## **2. Lồng ghép nội dung PCTT-TU'ĐKH gồm: mục tiêu, các chỉ tiêu, chỉ số và giải pháp vào kế hoạch phát triển KT-XH tỉnh**

Trên cơ sở Kế hoạch phát triển ngành của các ngành, Sở Kế hoạch Đầu tư tổng hợp và thống nhất với các ngành về các mục tiêu/chỉ tiêu đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và giai đoạn 2021-2025:

| STT                                        | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                                                                           | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
| <b>NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> |                                                                                                                                                                                                                            |                    |                         |                              |
|                                            | Tỷ lệ che phủ rừng                                                                                                                                                                                                         | X                  |                         |                              |
|                                            | Số vùng sản xuất được đầu tư thủy lợi công nghệ cao để chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu                                                                                                |                    |                         |                              |
|                                            | .....                                                                                                                                                                                                                      |                    |                         |                              |
| <b>CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI</b>            |                                                                                                                                                                                                                            |                    |                         |                              |
|                                            | Tỷ lệ các điểm được xác định là khu vực xung yếu của hệ thống điện (trạm biến thế, đường dây truyền tải và lưới cung cấp) được rà soát, kiểm tra, gia cố nếu cần thiết để kịp thời khắc phục các sự cố do thiên tai gây ra |                    |                         |                              |
|                                            | Kế hoạch chuẩn bị cung cấp các mặt hàng thiết yếu trong và ngay sau thiên tai cho các vùng bị ảnh hưởng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai, được lập chi tiết và chuẩn bị                      |                    |                         |                              |
|                                            | Điện năng được sản xuất từ các loại năng lượng sạch, tái                                                                                                                                                                   |                    |                         |                              |



| STT                        | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|                            | tạo nổi lưới/tổng số điện năng sử dụng trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ địa phương được tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và khuyến khích sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng                                                                                                                                                                                                     |                    |                         |                              |
|                            | Số giờ mất điện bình quân/năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | X                  |                         |                              |
|                            | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                    |                         |                              |
| <b>AN SINH XÃ HỘI</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ đối tượng gặp thiên tai, tai nạn rủi ro đột xuất được đảm bảo cứu trợ kịp thời                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được can thiệp, trợ giúp, hòa nhập cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                      | X                  |                         |                              |
|                            | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                    |                         |                              |
| <b>Y TẾ</b>                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ cơ sở y tế có cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong mùa lũ                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được cán bộ y tế đỡ đẻ trong mùa lũ                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ chất thải y tế tại các cơ sở y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ cán bộ chuyên môn tại các vùng trọng điểm được tập huấn về cung cấp dịch vụ y tế trong tình huống thiên tai                                                                                                                                                                                                                                                    | X                  |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ đối tượng dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi,...) được ưu tiên chăm sóc sức khỏe nói chung và trong đợt thiên tai                                                                                                                                                                                                                                |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vaccin trong thiên tai                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai từ 3 lần trở lên trong thiên tai                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                         |                              |
|                            | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                    |                         |                              |
| <b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                         |                              |
|                            | Tỷ lệ các cơ sở giáo dục đưa nội dung PCTT-TU&BDKH vào chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa/tập huấn trong nhà trường như “Ứng phó với Biến đổi khí hậu”, “Kỹ năng sống”, “Phòng chống tai nạn thương tích”, “Chuẩn tối thiểu về giáo dục trong hoàn cảnh khẩn cấp”. Đảm bảo các nội dung trên được lồng ghép phù hợp, tránh chồng chéo, quá tải cho học sinh | X                  |                         |                              |

| STT                              | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đã đưa vào KH 2019 | Dự kiến đưa vào KH 2020 | Dự kiến đưa vào KH 2021-2025 |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------------|
|                                  | Số các cơ sở giáo dục trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai (trường, lớp, nhà vệ sinh trong trường) được sử dụng là địa điểm để người dân sơ tán trong thiên tai                                                                                                                                                                                                       | X                  |                         |                              |
|                                  | Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan quản lý thuộc ngành Giáo dục và các cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được nâng cao nhận thức về PCTT-TU'BĐKH                                                                                                                                                                                                                        |                    |                         |                              |
|                                  | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                    |                         |                              |
| <b>TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                    |                         |                              |
|                                  | Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                    |                         |                              |
|                                  | Tỷ lệ tái sử dụng, tái chế chất thải rắn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                    |                         |                              |
|                                  | Tỷ lệ khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở hoặc thường xuyên xảy ra sạt lở có biển báo cảnh báo bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                               |                    |                         |                              |
|                                  | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                    |                         |                              |
| <b>THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                    |                         |                              |
|                                  | Thời lượng phát thanh tuyên truyền nội dung phòng chống rủi ro thiên tai của Đài truyền thanh huyện, xã                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                         |                              |
|                                  | Thời lượng phát thanh tuyên truyền nội dung biến đổi khí hậu và ứng phó biến đổi khí hậu của Đài truyền thanh huyện, xã                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                         |                              |
|                                  | Xây dựng và triển khai các dự án Ứng dụng công nghệ thông tin vào phòng chống rủi ro thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu:                                                                                                                                                                                                                                               |                    |                         |                              |
|                                  | Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ (GIS) quản lý về biến đổi khí hậu (sạt lở, xâm ngập mặn,...) bản đồ số, hệ thống thông tin địa lý,...                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                         |                              |
|                                  | Tỷ lệ chính xác của hệ thống dự báo, cảnh báo trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                    |                         |                              |
|                                  | Thời gian cho phép dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                               | X                  |                         |                              |
|                                  | % hoặc số lượng đội ngũ phóng viên, nhân viên đài truyền thanh huyện, xã được tập huấn về kỹ năng sửa chữa, vận hành hệ thống trang thiết bị truyền thanh và kỹ năng viết tin, bài, câu chuyện truyền thanh, phóng sự truyền thanh....để thực hiện truyền thông tại địa phương, trong đó bao gồm tuyên truyền phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu |                    |                         |                              |
|                                  | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                    |                         |                              |



| STT                                 | Chỉ tiêu, chỉ số                                                                               | Đã đưa<br>vào KH<br>2019 | Dự kiến<br>đưa vào<br>KH 2020 | Dự kiến<br>đưa vào<br>KH<br>2021-<br>2025 |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|
| <b>XÂY DỰNG - PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ</b> |                                                                                                |                          |                               |                                           |
|                                     | Tỷ lệ trường học, nhà trẻ, bệnh viện trong khu vực đô thị được cấp nước trong và sau thiên tai |                          |                               |                                           |
|                                     | Tỷ lệ diện tích cây xanh/công viên/hồ trữ nước trên tổng diện tích các khu đô thị              |                          |                               |                                           |
|                                     | .....                                                                                          |                          |                               |                                           |
| <b>CƠ SỞ HẠ TẦNG GIAO THÔNG</b>     |                                                                                                |                          |                               |                                           |
|                                     | Đường huyện được cứng hóa                                                                      |                          |                               |                                           |
|                                     | Tỷ lệ đường huyện được cứng hóa                                                                |                          |                               |                                           |
|                                     | Đường xã được cứng hóa                                                                         |                          |                               |                                           |
|                                     | Tỷ lệ đường huyện được cứng hóa                                                                |                          |                               |                                           |
|                                     | .....                                                                                          |                          |                               |                                           |

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các Sở, ngành, đơn vị liên quan của tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu trong xây dựng kế hoạch phát triển ngành cho phù hợp.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh tham mưu UBND tỉnh trong kế hoạch phát triển KT-XH năm 2020 và giai đoạn 2021-2025. Phối hợp với Sở Tài chính cân đối bố trí nguồn vốn trong kế hoạch, dự toán hàng năm để thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội có lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

- Quá trình lồng ghép triển khai thực hiện, các Sở, ngành thường xuyên thực hiện giám sát, đánh giá kết quả thực hiện lồng ghép các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu đã góp phần bảo đảm phát triển bền vững của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm nhằm kịp thời phát hiện những mặt còn thiếu sót, hạn chế cần khắc phục, sửa đổi, bổ sung để việc lồng ghép ngày càng có hiệu quả thiết thực./.